

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Tên Công ty

Tên Tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Tên Tiếng Anh : PETROLEUM MECHANICAL STOCK COMPANY

Mã chứng khoán : PMS

Trụ sở Công ty

Địa chỉ : 446 Nơ Trang Long – P13 – Q Bình Thạnh – TPHCM

Điện thoại : (08) 3 5533 325 – (08) 3 5533 597

Fax : (08) 3 5533 029

Website : www.pms.com.vn

MỤC LỤC

I Lịch sử hoạt động của công ty	1
1. Những sự kiện quan trọng	1
2. Quá trình phát triển.....	1
3. Định hướng phát triển	2
II Báo cáo của hội đồng quản trị.....	2
1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010.....	3
2. Thực hiện dự án đầu tư năm 2010	3
3. Công tác khác	4
4. Kế hoạch và triển vọng trong tương lai	4
5. Giải pháp thực hiện	5
III Báo cáo của ban giám đốc	5
1. Báo cáo tình hình tài chính	6
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
3. Những tiến bộ công ty đạt được	7
IV Báo cáo tài chính	8
V Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.....	12
VI Các công ty con và công ty liên quan	14
VII Tổ chức và nhân sự	15
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty	15
2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	16
3. Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt.....	16
VIII Thông tin về cổ đông và quản trị doanh nghiệp.....	17
1. Tóm tắt lí lịch của các cá nhân trong HĐQT	17
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông.....	21
3. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn.....	21



I. Lịch sử hoạt động của công ty

1. Những sự kiện quan trọng .

Về thành lập :

Tiền thân của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu là xưởng Cơ Khí Thống Nhất thuộc Bộ Vật Tư được thành lập ngày 22/10/1975 trên cơ sở quốc hữu hoá 2 Công ty Bình Lợi và Công ty Khai Thác Kỹ Nghệ Semi .

Ngày 30/01/1988 theo quyết định 02VT-QĐ của Bộ Vật tư xưởng đổi tên thành Xí Nghiệp Cơ Khí 23/11 và trở thành đơn vị trực thuộc Công ty Xăng Dầu Khu Vực II. Ngày 17/12/1992 Xí nghiệp Cơ khí 23/11 đổi tên thành Xí nghiệp Cơ Khí Xăng Dầu (theo quyết định 111/TMDL/QĐ của Bộ Thương Mại và Du Lịch. Xí nghiệp trở thành đơn vị trực thuộc Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam..

Ngày 21/11/1997 theo quyết định số 1169/TM/TCCB của Bộ Thương Mại đổi tên Xí nghiệp Cơ khí Xăng dầu thành tên Công ty Cơ khí Xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và là đơn vị hạch toán độc lập.

Ngày 31/05/1999 theo quyết định số 132 /1999-QĐ/TT của Thủ tướng Chính Phủ chuyển đổi Công ty Cơ Khí Xăng Dầu thành Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 35 % vốn điều lệ.

Ngày 06/11/2003 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu được chính thức niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán TPHCM (mã giao dịch là PMS)

Vốn điều lệ là 32 000 000 000 đồng (3 200 000 cổ phiếu)

Năm 2005 công ty được bình chọn và trao tặng cúp vàng thương hiệu Việt và được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng II.

Ngày 09/04/2007 Công ty tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu, nâng số vốn điều lệ lên 52 000 000 000 đồng. Ngày 03/05/2007 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 000 000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TPHCM.

Ngày 26/05/2009 cổ phiếu niêm yết của Công ty chuyển từ sàn TPHCM ra sàn Hà Nội.

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm :

Về sản xuất kinh doanh

- Thùng phuy thép 200 lít
- Thùng thép 18/20 lít
- Các loại bồn thép hình tròn , elip

- Các loại xe bồn đóng mới từ chasis Huyndai, Hino, Kamaz.

Về dịch vụ

- Đo lường kiểm định xe bồn
- Mua bán vật tư thiết bị xăng dầu
- Xây dựng cửa hàng xăng dầu và xây dựng công nghiệp
- Kinh doanh xăng dầu (bán lẻ và bán buôn)

3 . Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Giữ vững ổn định và phát triển bền vững lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính phuy 200 lít và thùng 18 / 20 lít.

Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của công ty đảm bảo hiệu quả kinh doanh .

Tăng cường công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật .

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2015 theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm bình quân là 10% . Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ dự kiến bình quân hàng năm đạt từ 15 % đến 20 %.

Bên cạnh kinh doanh các sản phẩm truyền thống , ưu tiên phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong hệ thống Petrolimex . Nghiên cứu thị trường để phát triển kinh doanh các loại bao bì giấy, vật liệu tự hủy, các sản phẩm in ấn...

Đặc biệt giai đoạn này sẽ tập trung ổn định sản xuất , hoàn thiện thủ tục , xây dựng và tổ chức kinh doanh dự án “ Trung tâm thương mại văn phòng căn hộ cao cấp” tại 446 Nơ Trang Long , triển khai việc di dời , xây dựng nhà xưởng và lắp đặt dây chuyền sản xuất phuy mới với công nghệ hiện đại tại vị trí mới . Thành công của dự án sẽ mở ra một hình ảnh mới của PMS , sẽ đem lại các nguồn lực cho sự phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.

II Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010:

Doanh thu: đạt 432,4 tỷ đồng, bằng 82,2% kế hoạch và 132% năm trước

Lợi nhuận trước thuế: đạt 11,55 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch và 110% năm trước

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm truyền thống và đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh. Kinh doanh thiết bị vật tư chuyên dùng, mở rộng quy mô kinh doanh đại lý xăng dầu, tăng cường tiêu thụ xe bồn, bồn các loại..... Bên cạnh đó, sự quan tâm hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty Xăng dầu Việt nam đã giúp cho Công ty đạt hiệu quả tốt trong hoạt động kinh doanh.

2. Thực hiện dự án đầu tư 2010:

Dự án Khu căn hộ và Trung tâm TM 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM: đã chọn và triển khai hợp đồng với nhà thầu tư vấn làm thủ tục xin giao đất thực hiện dự án. Dự kiến, đến cuối năm 2011 đầu năm 2012, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục trên.

Dự án Nhà máy BPM tại Bình Dương: được điều chỉnh giãn tiến độ phù hợp với dự án đầu tư Khu căn hộ và Trung tâm TM 446 Nơ Trang Long. Đã xây dựng và đưa vào hoạt động CHXD Tân Bình kinh doanh đạt hiệu quả tốt từ tháng 3/2010.

Đầu tư sửa chữa nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất tại 2 xưởng và văn phòng Công ty

Tổng giá trị đầu tư năm 2010: Chỉ thực hiện 5,3 tỷ đồng do chưa tìm mua được CHXD đạt hiệu quả đầu tư và một số MMTB được duyệt mua mới nhưng vì giãn tiến độ kế hoạch di dời sản xuất nên Công ty cân nhắc chưa mua để tránh lãng phí.

3. Công tác khác: Trong năm 2010, ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên Ban Kiểm soát. Việc làm của CB, CNV Công ty ổn định, thu nhập được nâng cao (bình quân > 5 triệu đồng/người/tháng tăng 30 % so với năm 2009).

4. Kế hoạch năm 2011 và triển vọng trong tương lai.

Căn cứ kết quả SXKD năm 2010 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011, kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2011 như sau :

- Doanh thu bán hàng: 511 tỷ đồng, bằng 118% năm 2010
- Lợi nhuận trước thuế: 13,5 tỷ đồng, bằng 117% năm 2010
- Tổng giá trị đầu tư: 35 tỷ đồng (đầu tư sửa chữa MMTB, xây dựng mới nhà xưởng...)

Công ty cần tập trung thực hiện các công tác chủ yếu là:

- Giữ vững và phát triển thị phần các sản phẩm truyền thống Phuy 200L và Thùng thép 18L, Bồn bê các loại. Chú trọng đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh trên.

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao tỷ trọng hoạt động kinh doanh dịch vụ. Tìm kiếm, mở rộng hoạt động kinh doanh sang ngành nghề mới có hiệu quả tốt.
- Phối hợp sâu sát với đơn vị tư vấn khảo sát hoàn thành thủ tục giao đất Dự án 446 No Trang Long trong năm nay. Chuẩn bị bộ máy để triển khai các bước thực hiện tiếp theo của dự án.
- Chuẩn bị tốt công tác khảo sát, định vị, đầu tư thiết bị sản xuất mới, chuẩn bị di dời cơ sở sản xuất trong năm 2012.
- Đánh giá xem xét kết quả hoạt động Công ty PMG để tổ chức lại sản xuất nâng cao hiệu quả.

5. Giải pháp thực hiện

Tổ chức, lao động, tiền lương:

Củng cố tinh gọn bộ máy tổ chức đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh. Làm tốt công tác định biên, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là cán bộ quản lý và chuyên viên giỏi. Có kế hoạch bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên, ưu tiên việc tuyển dụng và đào tạo lao động có nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề cao.

Đối với lao động trực tiếp: Cần phải rà soát sắp xếp hợp lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chuẩn bị lực lượng để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2011 và những năm tiếp theo.

Tiền lương, tiền thưởng: Đảm bảo thu nhập CBCNV ổn định và ngày được nâng cao. Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện quy chế lương, thưởng nhằm đảm bảo công bằng và là đòn bẩy tăng năng suất lao động và phát huy sáng tạo của người lao động. Thực hiện các phương án khoán lương phù hợp, hiệu quả, tìm kiếm, mở rộng kinh doanh sản phẩm mới tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

Sản xuất - kinh doanh:

Xác định chiến lược và mục tiêu kinh doanh trong từng thời kỳ. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận nghiệp vụ và các xưởng sản xuất, đáp ứng yêu cầu khách hàng về số lượng, chất lượng, tiến độ thời gian. Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp; nâng cao trình độ, khả năng đàm phán, bán hàng của cán bộ, chuyên viên phòng kinh doanh. Xử lý linh hoạt giá bán, làm tốt công tác hậu mãi sau bán hàng...Xây dựng và phát triển các kênh bán hàng có tiềm năng và hiệu quả bên cạnh củng cố kênh bán hàng truyền thống. Hỗ trợ linh hoạt các nguồn lực

từ các kênh bán hàng này. Chú trọng công tác PR, quảng bá thương hiệu PMS, tăng cường các mối quan hệ đối với khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng. Thành lập bộ phận nghiên cứu mở rộng thị trường và phát triển kinh doanh sản phẩm mới.

Quản lý tài chính:

Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các qui định về quản lý nội bộ; đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và đúng luật pháp qui định. Tổ chức đánh giá, phân tích có trọng điểm một số chi phí chính đầu vào, chi phí bán hàng, chi phí quản lý... tìm các giải pháp để tiết giảm các chi phí bất hợp lý.

Đảm bảo cân đối vốn đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh, dự trữ tồn kho hợp lý, hiệu quả, xử lý linh hoạt theo tình hình thị trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giám số dư công nợ phải thu, hạn chế công nợ dây dưa khó đòi; giảm tỷ trọng ứng trước tiền hàng cho người bán.

Quản lý dòng tiền: Theo sát và xử lý thật linh hoạt các nguồn tiền có tại đơn vị, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm tối đa chi phí lãi vay

Các giải pháp Kỹ thuật:

Đầu tư đổi mới hiện đại hóa máy móc thiết bị, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh. Việc lựa chọn Phương án đầu tư – cải tạo – nâng cấp thiết bị phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu phương hướng phát triển của Công ty, khả năng nguồn vốn và hiệu quả sử dụng.

Đảm bảo năng lực sản xuất hiện có thông qua công tác sửa chữa bảo trì thường xuyên máy móc thiết bị. Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu thiết kế chế tạo sản phẩm mới và dịch vụ; cung cấp kịp thời, chính xác đảm bảo nhu cầu phát sinh của thị trường theo yêu cầu của Kinh doanh.

Thực hiện các chương trình rà soát, xây dựng và ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, giảm chi phí và giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu / hệ số	ĐVT	Năm 2010	Năm 2009	So sánh 2010/2009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu	432,397	326,530	132.42%
Giá vốn hàng bán / doanh thu	%	90.96%	92.36%	98.49%
Lợi nhuận gộp / doanh thu	%	9.04%	7.64%	118.26%
Chi phí bán hàng / doanh thu	%	3.01%	2.93%	102.96%
Chi phí quản lý / doanh thu	%	3.09%	2.99%	103.41%
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.86	0.99	86.64%
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.57	1.52	103.21%
Tỷ suất sinh lợi				
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	5.58%	5.51%	101.18%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu (ROS)	%	2.14%	2.97%	72.01%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10.40%	11.09%	93.76%

(Nguồn số liệu lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2010)

1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp : không thay đổi trong năm 2010

1.3 Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường , cổ phiếu ưu đãi ..)

Cổ phiếu thường 5 200 000

Cổ phiếu ưu đãi 0

1.4 Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại : 0

1.5 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 5 174 110

1.6 Số lượng cổ phiếu quỹ : 25 890

1.7 Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2010 là 10 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong tình hình có nhiều khó khăn chung trong hoạt động năm 2010 trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi và chưa thoát khỏi khó khăn nhưng với sự nỗ lực của sự lãnh đạo và tập thể CBCNV của công ty đã đạt được mức doanh thu gần 432 397 triệu đồng đã hoàn thành 84.21 % so với kế hoạch đã đề ra, đạt được mức tăng trưởng 132,42 % so với năm 2009. Điểm nổi bật trong kết quả kinh doanh năm 2010 là mặc dù doanh thu không đạt được như mong đợi nhưng lợi nhuận vẫn đảm bảo được kế hoạch đề ra.

Trong đó :

Sản phẩm xởng thùng + phuy :

Đây là 2 sản phẩm chính của công ty là thùng phuy 200 lít và thùng 18 lít đều đạt và vượt kế hoạch về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2010.

Sản phẩm của thùng 18 / 20 lít công ty vẫn giữ vững thị phần, tiếp tục cải thiện và nâng cao chất lượng đội ngũ bán hàng, tiếp thị nhằm tăng sản lượng.

Sản phẩm xởng bồn :

+ **Kinh doanh xe bồn và bồn elip :** Doanh thu đạt 30.9 tỷ đồng đạt 68.8% so với kế hoạch , lợi nhuận đạt 1.06 tỷ đồng đạt 69.9 so với kế hoạch năm.

+ **Bồn tròn các loại :** Doanh thu đạt 5.7 tỷ đạt 219.5 % so với kế hoạch , lợi nhuận 225 triệu đồng đạt 136.2 % so với kế hoạch năm.

Kinh doanh thiết bị : Doanh thu đạt 16.5 tỷ đồng đạt 118.1 % so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 1.56 tỷ đồng đạt 78 % so với kế hoạch năm . Nguyên nhân chưa đạt được lợi nhuận là do đơn vị ra sau, phải cạnh tranh với nhiều nhà cung cấp lớn và có thương hiệu, chưa được làm đại lý phân phối của một số hãng lớn (ngoại trừ Valve William của Mỹ)

Kinh doanh xăng dầu : Sản lượng đạt 64 % , doanh thu đạt 222 tỷ đồng đạt 69.4 % kế hoạch, lợi nhuận đạt 122 % kế hoạch năm.

Lĩnh vực tài chính : Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh gas PMG chỉ đạt 2.07 tỷ bằng 94.1 % so với kế hoạch

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

3.1 Những cải tiến và cơ cấu tổ chức, chính sách ,quản lý

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

Triển khai từng bước áp dụng chương trình phần mềm kế toán, hạn chế các khâu thủ công và sử dụng tài sản của công ty một cách hợp lý và hiệu quả

3.2 Các biện pháp kiểm soát

Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng nhân viên trong công ty ngày càng nghiêm túc hơn góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc , trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp .

Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ , quy trình mua vật tư đầu vào

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đã được kiểm toán bởi Công ty CPA Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 Tháng 12 Năm 2010

ĐVT: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		119,211,019,672	133,729,154,802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,231,862,525	12,967,120,814
1. Tiền	111		4,231,862,525	12,967,120,814
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86,493,917	85,863,917
1. Đầu tư ngắn hạn	121		665,773,585	665,143,585
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(579,279,668)	(579,279,668)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58,375,354,674	72,214,397,913
1. Phải thu khách hàng	131		36,828,160,398	25,760,781,751
2. Trả trước cho người bán	132		6,144,415,668	23,563,535,587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		15,529,394,733	23,203,260,825
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(126,616,125)	(313,180,250)
IV. Hàng tồn kho	140		53,669,712,235	46,142,660,666
1. Hàng tồn kho	141		53,799,348,985	46,935,286,947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(129,636,750)	(792,626,281)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,847,596,321	2,319,111,492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		674,032,253	569,307,045
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		757,460,031	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10,009,786	828,088,821
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,406,094,251	921,715,626
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250)	200		46,385,595,736	41,957,744,846
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		33,820,680,776	29,333,262,078
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11,398,953,032	8,476,992,946

- Nguyên giá	222	43,898,731,243	39,974,781,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(32,499,778,211)	(31,497,788,618)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	9,966,482,134	9,000,000,000
- Nguyên giá	228	10,187,993,095	9,000,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(221,510,961)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12,455,245,610	11,856,269,132
III. Bất động sản đầu tư	240		
- Nguyên giá	241		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11,037,210,441	11,037,210,441
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11,037,210,441	11,037,210,441
3. Đầu tư dài hạn khác	258		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		
V. Tài sản dài hạn khác	260	1,527,704,519	1,587,272,327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	900,654,052	1,587,272,327
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27,050,467	
3. Tài sản dài hạn khác	268	600,000,000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200+269)	270	<u>165,596,615,408</u>	<u>175,686,899,648</u>
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330+340)	300	76,772,298,914	88,352,326,587
I. Nợ ngắn hạn	310	76,060,817,890	88,066,900,588
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	32,896,565,390	45,281,502,552
2. Phải trả người bán	312	14,533,450,752	8,769,498,629
3. Người mua trả tiền trước	313	6,738,088,558	15,010,168,254
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1,711,632,076	648,102,382
5. Phải trả người lao động	315	2,239,557,980	1,073,354,313
6. Chi phí phải trả	316	6,603,782,735	5,963,963,094
7. Phải trả nội bộ	317		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10,434,113,860	10,840,083,831
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	903,626,539	480,227,533
II. Nợ dài hạn	330	711,481,024	285,425,999
1. Phải trả dài hạn người bán	331		

2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3. Phải trả dài hạn khác	333	500,000,000	
4. Vay và nợ dài hạn	334		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	211,481,024	285,425,999
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	88,824,316,494	87,814,800,594
I. Vốn chủ sở hữu	410	88,824,316,494	87,334,573,061
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	52,000,000,000	52,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25,425,165,374	25,425,165,374
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(343,472,600)	(343,472,600)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	6,266,780,863	5,697,600,490
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	3,300,121,010	2,838,346,123
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2,175,721,847	1,716,933,674
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	165,596,615,408	175,686,899,648

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		906,179,016	719,614,891
5. Ngoại tệ các loại (USD)		2,654.41	17,384
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	V.16	432,581,479,596	326,888,041,298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.17	183,900,000	357,990,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18	432,397,579,596	326,530,051,298
4. Giá vốn hàng bán	11		393,313,611,804	301,573,710,732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39,083,967,792	24,956,340,566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	4,650,707,406	7,031,013,284
7. Chi phí tài chính	22	V.21	5,664,534,775	1,922,988,278
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,442,315,663	2,102,775,417
8. Chi phí bán hàng	24		13,027,628,794	9,555,700,493
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13,372,403,053	9,765,536,457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,670,108,576	10,743,128,622
11. Thu nhập khác	31		3,085,766,189	4,478,828,931
12. Chi phí khác	32		3,203,042,812	4,728,605,465
13. Lợi nhuận khác	40		(117,276,623)	(249,776,534)
14. Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,552,831,953	10,493,352,088
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	2,344,384,686	808,574,168
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.23	(27,050,467)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,235,497,734	9,684,777,920
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,785	1,872

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán



CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội
Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: info@cpvietnam.vn
Website: www.cpvietnam.vn

Số. 146/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn

Đinh Văn Thắng

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2011

VI . Các công ty liên quan

Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan đến ngày 31/12/2010

Công ty TNHH Cơ Khí Gas (PMG) : là công ty liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Công ty CP Gas Petrolimex thành lập theo quyết định số 4102018919 do sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 21/11/2003

Vốn điều lệ : 22 524 919 267 đồng trong đó Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Công ty CP Gas Petrolimex 51%.

Ngành nghề kinh doanh :

Sản xuất, sửa chữa , bảo dưỡng và kiểm định bình Gas .

Mua bán, thiết bị công nghệ ngành Gas – Xăng Dầu – Dầu khí.

Tư vấn lắp đặt chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật ngành cơ khí LPG (khí hoá lỏng).

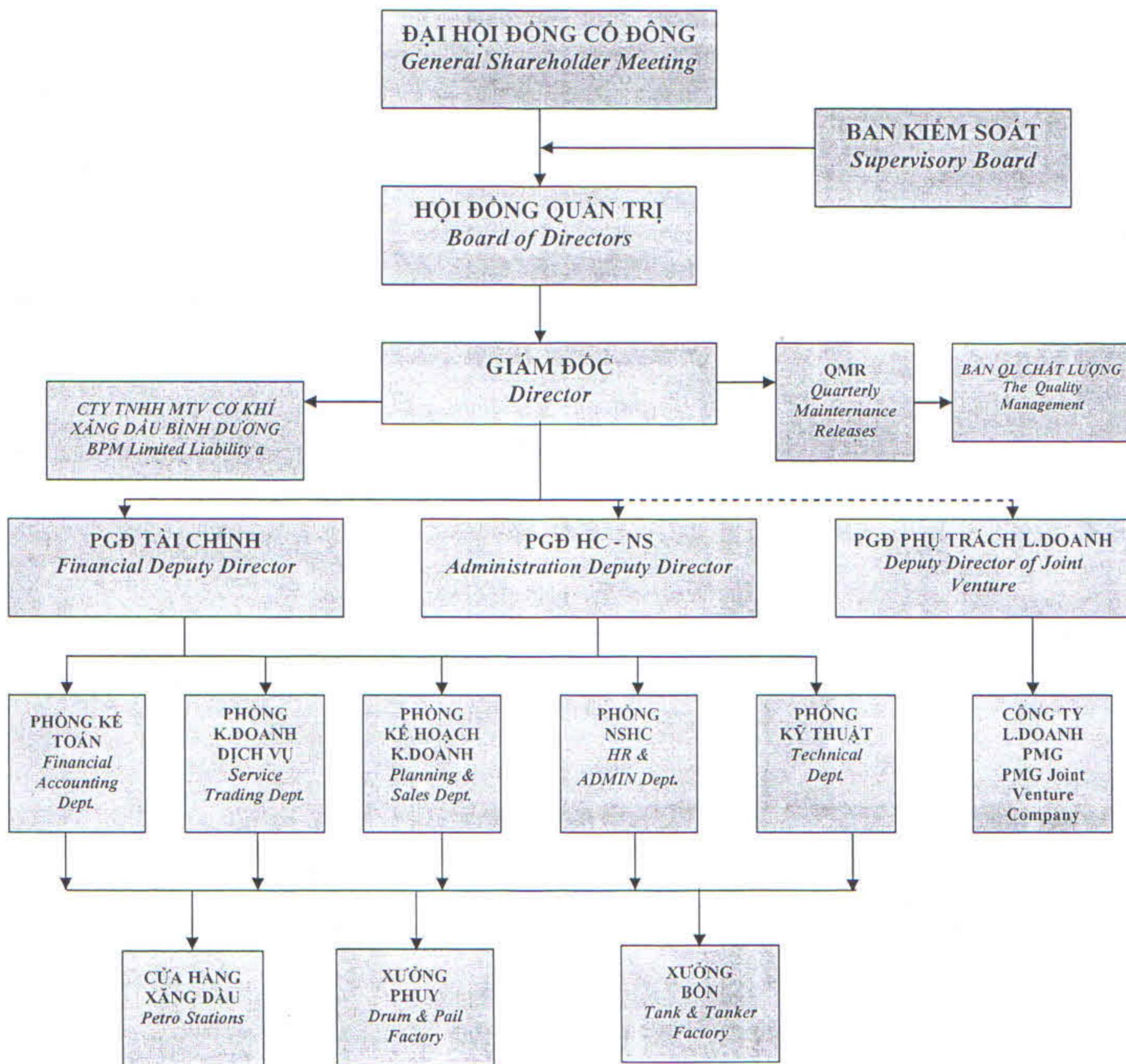
Mua bán vật liệu xây dựng , nguyên liệu ngành gốm sứ, thiết bị hàng kim khí điện máy.

Xây dựng công nghiệp.

Trong năm 2010 doanh thu của công ty TNHH Cơ Khí Ga PMG đạt được là 111 362 914 407 đồng và lợi nhuận là 4 825 015 044 đồng. Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu được chia lợi nhuận năm 2010 là 2 009 499 332 đồng.

VII Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



2. Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2010 tổng số lao động của công ty là 242 người, trong đó cơ cấu lao động như sau:

STT	Yếu tố	31/12/2010
	Số lượng nhân viên, công nhân	242
	Theo trình độ chuyên môn	
1	Thạc sỹ	6
2	Đại học, cao đẳng	34
3	Trung học chuyên nghiệp, bậc nghề	193
4	Lao động phổ thông	9

Chính sách đào tạo :

Đào tạo là một chính sách rất được coi trọng tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu. Do đó hàng năm nhân viên của công ty đều được tham gia các khoá học căn bản và nâng cao kiến thức để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn của mình.

3. Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt.

A. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban điều hành.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đoàn Đặc Học	Giám đốc	
2	Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc	
3	Nguyễn Tường Ninh	Phó Giám đốc	
4	Đỗ Đình Tiến	Phó Giám đốc	

Phó Giám đốc : Bà **DƯƠNG THỊ BẠCH XUYẾN**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 08 -02 – 1961
 Địa chỉ : 130/ C1A Phạm Văn Hai - Phường 2 – Q Tân Bình
 Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính – kế toán , Cao học Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :
 1984 – 1986 : CNVC CN Xunhasaba – TPHCM
 1987 – 2004 : CV, PP kế toán, kế toán trưởng Công ty Xăng Dầu Hậu Giang, Cần Thơ

- 2005 – 2009 : TP kinh doanh, TP kế toán xí nghiệp bán lẻ xăng dầu – Công ty Xăng Dầu Khu Vực II
- 2009- đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Phó Giám đốc : Ông **NGUYỄN TƯỜNG NINH**
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08 -02 – 1955
- Địa chỉ : 83/22 Đinh Bộ Lĩnh – Phường 26 – Q Bình Thạnh – TPHCM
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- 1990 -2003 : Làm việc tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- 2003 - đến nay : Giám đốc tại công ty TNHH Cơ Khí Ga (PMG)
- Cổ phần cá nhân nắm giữ là 21 440 cổ phần.
- Phó Giám đốc : Ông **ĐỖ ĐÌNH TIẾN**
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20 - 08 - 1951
- Nơi sinh : 27 Hậu Giang – P 4 – Q Tân Bình – TPHCM
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ hoá kỹ thuật
- Quá trình công tác :
- 1980 – 1993 : phó phòng kỹ thuật Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam
- 1993 – 1996 : TP quản lý kỹ thuật Công ty Xăng Dầu Bà Rịa – Vũng Tàu
- 1996 – 1998 : Chuyên viên phòng quản lý kỹ thuật Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu.
- 1998 – 2003 : TP quản lý kỹ thuật Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
- 2003 – 2007 : TP nhân sự kiêm TV Ban kiểm soát Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
- 2007 – 2008 : Trưởng phòng kinh doanh dịch vụ
- 2008 đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

Cổ phần cá nhân nắm giữ là 21 540 cổ phần.

B . Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng

Hội đồng quản trị : bổ sung ông Phạm Đình Kháng vào thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát : bổ sung ông Nguyễn Duy Hải vào thành viên của Ban kiểm soát

Ban giám đốc : không thay đổi

VIII. Thông tin về cổ đông và quản trị Công ty

1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch HĐQT	
2	Trịnh Bá Bộ	Phó chủ tịch HĐQT	
3	Howang Yu Nam	Ủy viên HĐQT	
4	Đoàn Đắc Học	Ủy viên HĐQT	Kiểm Giám Đốc
5	Phạm Đình Kháng	Ủy viên HĐQT	

Chủ tịch HĐQT : Ông **NGUYỄN QUANG KIÊN**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 25-09-1957
 Nơi sinh : Quảng Yên - Yên Hưng - Quảng Ninh
 Địa chỉ : F14 tập thể xăng dầu – Đồng Nhân – Hai bà Trưng – Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Đại học
 Quá trình công tác :
 1974 - 1975 : Khoa lưu học sinh – Đại học ngoại ngữ Hà Nội
 1975 - 1981 : Học đại học tại Hungary
 1982 – 1989 : CV phòng kỹ thuật Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 08/1989 -10/1991 : Phó phòng – trưởng phòng kỹ thuật
 08 – 1993 : TP Công nghệ đầu tư Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 09 – 1994 : TP Công nghệ phát triển Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 06- 1998 : Học lớp cao cấp lý luận chính trị - Học viện chính trị Quốc Gia TPHCM
 03/2000 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 Cổ phần cá nhân nắm giữ 380 cổ phần
Phó chủ tịch HĐQT : Ông **TRỊNH BÁ BỘ**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 02 - 01 -1960

Địa chỉ	:	14 Trần Thị Kỳ - Phường 14 – Quận Bình Thạnh
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí và cử nhân kinh tế ngành kế toán
Quá trình công tác	:	
1982 – 1985	:	Công tác tại xí nghiệp 23/11 nay là PMSC
05/1985 -02/1989	:	Phó quản đốc – TP kinh doanh Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
09/1990 – 05/1998	:	Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
06/1998 -09/2008	:	Giám đốc Xí nghiệp bán lẻ Xăng Dầu – Công ty XD Khu Vực II
Từ 10/2008 đến nay	:	Phó giám đốc Công ty Xăng Dầu KV II Phó chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Cổ phần cá nhân nắm giữ	:	18 730 cổ phần
Cổ phần nhà nước uỷ quyền	:	không có
Ủy viên HĐQT	:	Ông HOWANG YU NAM
Quốc tịch	:	Hàn Quốc
Ngày tháng năm sinh	:	01 – 02 -1963
Nơi sinh	:	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	:	Tốt nghiệp trường Đại học Miền Nam California Ngành Khoa học - Chính trị Tốt nghiệp thạc sĩ trường Đại học Mỹ Ngành Quản lý tài chính
Quá trình công tác	:	
1990 -1993	:	Chuyên viên phân tích dự án tại Hawaii Medical Service Association, Honolulu , Hawaii.
1994 – 1998	:	Chuyên gia phòng phát triển tài chính tại Global Consulting Group
1999 – 2002	:	Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế tại Centum City Corporation.
2002 đến nay	:	Giám đốc điều hành cho tập đoàn xây dựng DAEWON
2005 đến nay	:	Tổng giám đốc Công ty CP Phát Triển Nhà Daewon Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
Ủy viên HĐQT	:	Ông ĐOÀN ĐẮC HỌC
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	24 - 09 -1968
Địa chỉ	:	553 / 28 E – Nguyễn Kiệm – Phường 9 – Quận Phú Nhuận -TPHCM
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện và cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :
- 1991 – 2001 : Cán bộ kỹ thuật – Quản đốc Công ty Cơ Khí Xăng Dầu
 - 2001 -2003 : Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 - 2003 -2008 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 - 2009 - 2009 : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 - 11/2009 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Cổ phần cá nhân nắm giữ 35 340 cổ phần
- Ủy viên HĐQT : **Ông PHẠM ĐÌNH KHÁNG**
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25 – 05 -1956
- Nơi sinh : xã Phong An - huyện Phong Điền – Thừa Thiên Huế
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
- 1984 – 1989 : Giám đốc XN đóng tàu Đại Thắng – Sở Thủy Sản TPHCM
 - 1989 – 1992 : Phó giám đốc Thường trực Công ty Kho Vận Nhà Bè
 - 1993 - 1994 : Phó giám đốc Công ty Xây Dựng HODACO
 - 1995 – 2000 : Đội trưởng đội thi công Cơ giới Công ty Phát triển nhà và dịch vụ Khu
- Công nghiệp Thủ Đức
- 2000 – 2001 : Trưởng phòng quản lý dự án Công ty Phát triển Nhà và Dịch vụ Khu Công Nghiệp Thủ Đức
 - 2001- đến nay : Phó tổng Giám Đốc Công ty Phát triển Nhà Thủ Đức.
 - 05 /2010 : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

b. Danh sách ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Bá Tùng	Trưởng ban kiểm soát	
2	Nguyễn Hữu Tâm	TV ban kiểm soát	
3	Nguyễn Duy Hải	TV ban kiểm soát	PP kinh doanh

Trưởng ban kiểm soát : Ông NGUYỄN BÁ TÙNG

Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05 – 08 -1972
Nơi sinh	:	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	:	Đại học tài chính kế toán
Quá trình công tác	:	
12/1993	:	Chuyên viên phòng kế toán Công ty Xăng Dầu B12
09/1995	:	CV phòng tài chính kế toán Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam
01/1997	:	CV phòng tài chính kế toán Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam
10/2005	:	Phó phòng tài chính kế toán Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
Chức vụ hiện nay	:	TP tài chính kế toán – TT tài chính kế toán Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
		Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Cổ phần cá nhân nắm giữ	:	280 cổ phần
Ủy viên ban kiểm soát:		Ông NGUYỄN HỮU TÂM
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	30 -10 - 1959
Nơi sinh	:	1072/1 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế - tài chính
Quá trình công tác	:	
1982 -1990	:	Kế toán trưởng Ban quản lý công trình huyện Thủ Đức
1990 -1996	:	Kế toán trưởng Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Thủ Đức
1996- 2001	:	Kế toán trưởng Công ty Phát triển Nhà và Dịch vụ Khu CN Thủ Đức
2001 – 2006	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức
2004 – 2007	:	Phó Tổng giám đốc Công ty Liên Doanh PT Nhà Daewon – Thủ Đức
2007 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
		Ủy viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
Ủy viên ban kiểm soát:		Ông NGUYỄN DUY HẢI
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	11 – 09 -1981
Nơi sinh	:	Thị trấn Quế - Kim Bảng – Hà Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 2005 – 2007 : CV phòng kế toán tài chính - Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- 2007 – 2010 : Phó phòng kế toán tài chính – Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
- 2010 đến nay : Phó phòng kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- 05 /2010 : Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ 500 cổ phần.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Số	Cổ đông	Xác định ngày 31 - 12- 2010	
		Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Tổ chức		
	Trong nước	4 842 630	64.8%
	Ngoài nước		
	Cộng	4 842 630	64.8 %
2	Cá nhân		
	Trong nước	1,561,690	30.03%
	Ngoài nước	241,140	4.64%
	Cộng	1 802 830	34.7 %
3	Cổ phiếu quỹ	25,890	0.50%

3. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ
1	Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	Xăng dầu, dầu nhớt, xây dựng, bảo hiểm, vận tải, khí hoá lỏng, hoá chất, thiết bị xăng dầu, cơ khí...	36.54%
2	Công ty Phát Triển Nhà DAEWON - Thủ Đức	Số 1 khu đô thị mới An Phú- P An Phú, Q 2 - TPHCM	Xây dựng	28.30%



TPHCM ngày 19 tháng 04 năm 2011

Giám đốc

Doàn Đức Học